

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 17/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm
Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nga - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1991 tại Thanh Hóa, trú tại thôn V, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Nguyễn Hồng S và con bà Lê Thị Á; Có vợ là Nguyễn Thị B và có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Nguyễn Văn V, sinh năm 1984 tại Thanh Hóa, trú tại thôn S, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Nguyễn Văn S (đã chết) và con bà Nguyễn Thị A; Có vợ là Trần Thị C (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Lê Văn T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1978 tại Thanh Hóa, trú tại thôn 6, xã L, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Lê Đình L (đã chết) và con bà Vũ Thị H (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 và có 03 con lớn sinh

năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Lê Nguyên X, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1989 tại Thanh Hóa; trú tại thôn 1 xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Lê Nguyên Ch và con bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Trương Thị H và có 01 con sinh năm 2018; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 30/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Lê Việt Ph, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1977 tại Thanh Hóa, trú tại thôn V 2, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Lê Văn L và con bà Lê Thị Nh; Có vợ là Lê Thị H và có 01 con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội “*Cố ý gây thương tích*”; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Lê Văn S, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1988 tại Thanh Hóa, trú tại thôn V 3, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn C và con bà Lê Thị L; Có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1992 và có 01 con l sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo Trần Văn H, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1970 tại Thanh Hóa, trú tại thôn 4, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn H (Đã chết) và con bà Hoàng Thị C; Có vợ là Đinh Thị H, SN 1970 và có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo Lê Văn Tr, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992 tại Thanh Hóa, trú tại thôn V, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị Ủy ban kiểm tra có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng; Con ông: Lê Văn Ph và con bà Lê Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Bị cáo Nguyễn Hữu B, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1974 tại Thanh Hóa, trú tại thôn Qu, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Nguyễn Hữu T và con bà Lê Thị X; Có vợ là Nguyễn Thị Đ và có 02 con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Bị cáo Lưu Hồng Qu, sinh năm 1988 tại Thanh Hóa, trú tại thôn 6, xã L, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Lưu Thiện H và con bà Trịnh Thị H(đã chết); Có vợ là Hoàng Thị H và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Bị cáo Phạm Quý D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1973 tại Thanh Hóa, trú tại thôn Th, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị K; Có vợ là Nguyễn Thị S và có 03 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12h15' ngày 03/01/2019, tại khu vực nhà bếp công ty Th ở thôn 1, xã K, huyện H, Công an Hoàng Hóa phối hợp với Ban công an xã K phát hiện bắt quả tang Nguyễn Trường Gi, Lê Văn S, Lê Văn Tr, Nguyễn Văn V, Phạm Quý D, Lê Văn T, Lưu Hồng Qu, Nguyễn Hữu B, Trần Văn H, Lê Nguyên X đều là công nhân của công ty Th đang đánh bạc dưới hình thức “ xóc đĩa”. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ bị vỡ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá thẳng long và số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó thu giữ tại chiếu 5.950.000đ (năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), kiểm tra người đánh bạc thu giữ số tiền 16.550.000 (mười sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo khai nhận: Trưa ngày 03/01/2019 sau khi ăn cơm tại khu vực bếp của công ty Th, Nguyễn Trường Gi, Lê Văn S, Lê Văn Tr, Trần Văn H, Nguyễn Văn V, Lê Văn T và Lê Việt Ph rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, mức cược thấp nhất là 10.000đ (Mười nghìn đồng), cao nhất là 50.000đ (Năm

mười nghìn đồng). Nguyễn Trường Gi lấy bát, đĩa, quân vị có sẵn trong khu vực bếp của công ty để cầm cái, xóc cái cùng những người khác đánh bạc. Trong lúc đánh bạc Ph hết tiền nên ra về trước. Sau đó có Lê Nguyên X, Nguyễn Hữu B, Lưu Hồng Qu, Phạm Quý D vào tham gia đánh bạc. Đến 12h15' cùng ngày thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Hóa bắt quả tang cùng với vật chứng được thu giữ. Khi đánh bạc các bị can sử dụng số tiền đánh bạc như sau: Nguyễn Văn V mang theo 3.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 700.000đ bỏ vào trong người. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 4.200.000đ; Lê Văn T mang theo 2.800.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thua 300.000đ. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 2.500.000đ; Nguyễn Trường Gi mang theo 1.800.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 1.700.000đ bỏ vào trong người. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 3.500.000đ; Lê Văn S mang theo 1.800.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thua 700.000đ. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 1.100.000đ; Lê Nguyên X mang theo 1.700.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 200.000đ bỏ vào trong người. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 1.900.000đ; Trần Văn H mang theo 650.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 650.000đ; Lê Văn Tr mang theo 420.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 1.730.000đ bỏ vào trong người. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 2.150.000đ; Nguyễn Hữu B mang theo 350.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 350.000đ; Lưu Hồng Qu mang theo 200.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang kiểm tra người không thu giữ gì; Phạm Quý D mang theo 100.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 100.000đ bỏ vào trong người. Khi bị bắt quả tang kiểm tra thu giữ trong người 200.000đ; Đối với Lê Việt Ph, sau khi nghe tin các đối tượng trên bị bắt. Đến 04/01/2019 Ph đến CQĐT Công an Hoàng Hóa để khai nhận hành vi phạm tội. Khi đi đánh bạc mang theo 400.000đ và thua hết nên về trước.

Vật chứng của vụ án: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ bị vỡ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá thắng long và số tiền 22.500.000đ, Cơ quan điều tra đã chuyển giao đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa để chờ xét xử.

Bản cáo trạng số 28/ CTr - VKSHS ngày 27 tháng 3 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Văn T, Nguyễn Trường Gi, Lê Văn S, Lê Văn Tr, Trần Văn H, Lê Việt Ph, Lê Nguyên X, Nguyễn Hữu B, Lưu Hồng Qu và Phạm Quý D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Nguyên X từ 06-09 tháng tù

- Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường Gi từ 12 - 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 – 36 tháng, phạt bổ sung 10 – 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Văn T từ 09 – 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 – 24 tháng,

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s,t khoản 1,2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Việt Ph từ 06 – 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 – 18 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 58 BLHS, xử phạt:

+ Bị cáo Lê Văn S từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ

+ Bị cáo Trần Văn H; Lê Văn Tr; Nguyễn Hữu B và Lưu Hồng Qu mỗi bị cáo từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

+ Bị cáo: Phạm Quý D mức án: 20.000.000đ – 23.000.000đ

Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được Chính quyền địa phương xác nhận thì không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 22.500.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sù, 01 bát sù bị vỡ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá trắng long; Về án phí đề nghị buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra,

xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 12h15' ngày 03/01/2019, tại khu vực nhà bếp công ty Th ở thôn 1, xã K, huyện H, Công an Hoàng Hóa phối hợp với Ban công an xã K phát hiện bắt quả tang Nguyễn Trường Gi, Lê Văn S, Lê Văn Tr, Nguyễn Văn V, Phạm Quý D, Lê Văn T, Lưu Hồng Qu, Nguyễn Hữu B, Trần Văn H, Lê Nguyên X đều là công nhân của công ty Th đang đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa”. Các bị cáo Đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa và dùng bốn quân vị hình tròn có hai mặt trắng, vàng được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá thẳng long, sau đó bỏ vào trong một bộ bát, đĩa sứ dùng làm dụng cụ để đánh bạc. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ bị vỡ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá thẳng long và số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Các bị cáo đã sử dụng số tiền tham gia đánh bạc cụ thể là: Nguyễn Văn V có 3.500.000; Nguyễn Trường G có 1.800.000đ, Lê Văn T có 2.800.000đ; Lê Văn S có 1.800.000đ; Lê Nguyên X có 1.700.000đ; Lê Văn Tr có 420.000đ; Trần Văn H có 650.000đ; Nguyễn Hữu B có 300.000đ; Lưu Hồng Qu có 200.000đ; Phạm Quý D có 200.000đ; Lê Việt Ph có 400.000đ.

Tổng số tiền của các bị cáo khai dùng để đánh bạc ít hơn số tiền thu tại chiếu bạc, mặt khác quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cũng không làm rõ được số tiền vượt quá so với lời khai của các bị cáo nên các bị cáo phải cùng chịu chung trách nhiệm đối với tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo xuất phát từ động cơ, mục đích thu lợi bất chính từ việc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. Hành vi sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo Nguyễn Trường Gi, Lê Văn S, Lê Văn Tr, Nguyễn Văn V, Phạm Quý D, Lê Văn T, Lưu Hồng Qu, Nguyễn Hữu B, Trần Văn H, Lê Nguyên X và Lê Việt Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Đánh bạc” tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy VKSND huyện Hoàng Hóa truy tố các bị cáo Nguyễn Trường Gi, Lê Văn S, Lê Văn Tr, Nguyễn Văn V, Phạm Quý D, Lê Văn T, Lưu Hồng Qu, Nguyễn Hữu B, Trần Văn H, Lê Nguyên X và Lê Việt Ph về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Hành vi các bị cáo đã thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội; Động cơ phạm tội là sát phạt nhau, tư lợi và mục đích là thu lợi bất chính, tước đoạt tiền bạc, tài sản của nhau; tệ nạn xã hội này thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như Trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản, lừa đảo. Việc quy định các tội này nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dân. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã được đánh giá như trên, cần có đường lối xử lý nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục và răn đe chung.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội Đánh bạc là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và khi áp dụng hình phạt cần phải được phân hóa vai trò cụ thể, đồng thời, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của mỗi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với Nguyễn Trường Gi là người xóc cái và cầm cái trực tiếp thanh toán tiền thắng thua cho các bị cáo nên bị cáo có vai trò thứ nhất trong vụ án, khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo phải là cao nhất; Bị cáo Nguyễn Văn V là người có sổ tiền dùng vào việc đánh bạc là lớn nhất nên bị cáo có vai trò thứ hai, hình phạt áp dụng đối với bị cáo sẽ cao hơn các bị cáo khác nhưng thấp hơn Gi; Bị cáo Lê Văn T có sổ tiền dùng vào việc đánh bạc lớn thứ hai sau V nên bị cáo có vai trò thứ ba trong vụ án và hình phạt áp dụng đối với bị cáo sẽ cao hơn các bị cáo khác nhưng thấp hơn so với Gi và V; Lê Nguyên X; Lê Văn S, Trần Văn H, Lê Việt Ph; Lê Văn Tr, Lưu Hồng Q, Nguyễn Hữu B, và Phạm Quý D, được xếp vai trò lần lượt tiếp theo.

[5] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Lê Nguyên X phạm tội trong khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp nghiêm trọng (Ngoại trừ Lê Nguyên X, Lê Việt Ph); Bị cáo Lê Nguyên X, Lê Việt Ph đều là bộ đội xuất ngũ, bố của bị cáo X và mẹ của bị cáo Ph là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 (đối với X, Ph) Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Đối với bị cáo Lê Nguyên X đang có tiền án về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Trường Gi, Nguyễn Văn V; Lê Văn T; Lê Việt Ph đều chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Lê Văn S, Trần Văn H, Lê Văn Tr, Lưu Hồng Qu, Nguyễn Hữu B, và Phạm Quý D có vai trò thứ yếu trong vụ án nên chuyển sang loại hình phạt nhẹ hơn là hình phạt tiền.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung; Đối với bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Văn T, Lê Nguyên X, Lê Việt Ph có giấy xác nhận của địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Đối với các bị cáo áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính thì không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] *Về vật chứng*: - Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) bát sừ bị vỡ , 01 đĩa sừ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long các bị cáo dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trường Gi, Nguyễn Văn V, Lê Văn T, Lê Nguyên X, Lê Văn S, Trần Văn H, Lê Việt Ph, Lê Văn Tr, Nguyễn Hữu B, Lưu Hồng Qu, và Phạm Quý D phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt*: Bị cáo Lê Nguyên X: 06 (sáu) tháng tù nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 09/01/2019. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

* Áp dụng khoản 1,3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Trường Gi: 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, khoản 1,2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

- *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Văn V: 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- *Xử phạt*: Bị cáo Lê Văn T: 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1,2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.
- *Xử phạt*: Bị cáo Lê Việt Ph: 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- * Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.
- *Xử phạt*: Bị cáo Lê Văn S: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)
- *Xử phạt*: Bị cáo Trần Văn H: 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng)
- *Xử phạt*: Bị cáo Lê Văn Tr: 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng)
- *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Hữu B: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)
- *Xử phạt*: Bị cáo Lưu Hồng Qu: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)
- *Xử phạt*: Bị cáo Phạm Quý D: 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng)
- * Giao bị cáo Nguyễn Trường Gi; Lê Văn S cho UBND xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.
- * Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.
- * Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.
- * Giao bị cáo Lê Việt Ph cho UBND xã Qu, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.
- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.
- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.
- Về vật chứng*: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Tịch thu số tiền 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước (Theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 29/3/2019 tài khoản số 3949.0.9013481 của Công an huyện Hoằng Hóa đến Tài khoản số 3949.0.1053935 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa tại kho bạc Nhà nước huyện Hoằng Hóa).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bát sứ , 01 đĩa sứ, 01 bảng vị, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 37 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyễn Trường Gi, Nguyễn Văn V, Lê Văn T, Lê Nguyên X, Lê Văn S, Trần Văn H, Lê Việt Ph, Lê Văn Tr, Nguyễn Hữu B, Lưu Hồng Qu và Phạm Quý D mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa.
- Cơ quan THA hình sự huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THA dân sự huyện Hoằng Hóa.
- Các bị cáo.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.
- UBND xã
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa